

Trà Vinh, ngày 01 tháng 8 năm 2017

**PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC**

**Kính gửi: Ban Giám đốc Sở**

Văn bản của: UBND tỉnh

**1. Tóm tắt nội dung văn bản:**

V/v phê duyệt nhiệm  
vụ AH xây dựng từng  
huyện Tiên Châu

**Giải quyết của Lãnh đạo**

Thống nhất  
kết

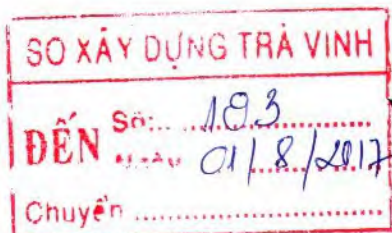
**2. Ý kiến đề xuất của Văn phòng:**

Đồng ý: P.Đ.T, P.Đ.T, P.Đ.T,  
P.Đ.T, P.Đ.T; ~~P.Đ.T~~

1/2

Số: 1362/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 31 tháng 7 năm 2017



## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng  
huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030.

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc xin phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 (đính kèm Báo cáo kết quả thẩm định số 01/BCTĐQH-SXD ngày 15/5/2017 của Sở Xây dựng),

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 với các nội dung sau:

### 1. Phạm vi, ranh giới vùng lập quy hoạch:

- Khu vực lập quy hoạch xây dựng vùng gồm toàn bộ ranh giới huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; diện tích khoảng 22.722,97 ha (khoảng 227,2 km<sup>2</sup>).

- Ranh giới xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Càng Long;

+ Phía Nam giáp huyện Trà Cú và sông Hậu;

- + Phía Đông giáp huyện Châu Thành;
- + Phía Tây giáp huyện Cầu Kè và sông Hậu;

## **2. Tính chất và chức năng của vùng:**

### a) Tính chất:

- Là khu vực đô thị hóa quan trọng của tỉnh với trục phát triển hình thành bởi thị trấn Tiểu Cần và thị trấn Cầu Quan, thuộc hành lang đô thị phía Đông sông Hậu.

- Vùng phát triển thương mại dịch vụ, văn hóa và sản xuất nông nghiệp chất lượng cao.

- Vùng phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ cảng dọc sông Hậu.

### b) Chức năng:

Vùng huyện Tiểu Cần với 2 đô thị Tiểu Cần và Cầu Quan, là trung tâm của cụm phát triển đô thị phía Tây của tỉnh, gồm: Cầu Quan - Tiểu Cần- Cầu Kè; có vai trò quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng, là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh với các tỉnh lân cận.

## **3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:**

### a) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng xã hội

#### - Dân số:

- + Dân số hiện trạng : khoảng 112.890 người;
- + Dân số đến năm 2020 : khoảng 137.000 người;
- + Dân số đến năm 2030 : khoảng 170.000 người;
- + Tỷ lệ gia tăng dân số trung bình : khoảng 1,4%/năm.

#### - Các chỉ tiêu đất xây dựng đô thị:

- + Đất đơn vị ở trung bình :  $\leq 50 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở :  $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất cây xanh công cộng ngoài đơn vị ở : 4 - 10  $\text{m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất công trình giáo dục trong đơn vị ở :  $\geq 2,7 \text{ m}^2/\text{người}$ .

#### - Các chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

- + Đất ở :  $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất xây dựng công trình dịch vụ :  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất cây xanh công cộng :  $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật :  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ .

- Tỷ lệ các loại đất trong khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (trên diện tích toàn khu):

- + Nhà máy, kho tàng :  $\geq 55 \%$ ;

- + Các khu kỹ thuật :  $\geq 1 \%$ ;
- + Công trình hành chính, dịch vụ :  $\geq 1 \%$ ;
- + Giao thông :  $\geq 8 \%$ ;
- + Cây xanh :  $\geq 10\%$ .

b) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Tỷ lệ đất giao thông trong đất xây dựng đô thị:

- + Đường liên khu vực :  $\geq 6\%$ ;
- + Đường khu vực :  $\geq 13\%$ ;
- + Đường phân khu vực :  $\geq 18\%$ .

- Chỉ tiêu cấp nước:

- + Thị trấn : 100-120 l/người/ngđ;
- + Nông thôn : 40 - 60 l/người/ngđ.

- Chỉ tiêu thoát nước : 80% cấp nước.

- Rác thải : 0,9-1,0 kg/người/ngđ.

- Chỉ tiêu cấp điện : 1000-1500 kWh/người.năm.

- Thông tin liên lạc : 1- 2 máy/hộ.

**4. Nội dung yêu cầu nghiên cứu:**

a) Định hướng phát triển không gian vùng:

- Xác định tầm nhìn, viễn cảnh phát triển của toàn vùng;
- Xác định mục tiêu phát triển chiến lược cho toàn vùng;

- Định hướng vai trò, chức năng của các tiểu vùng động lực, các đô thị hạt nhân của các tiểu vùng và các tiểu vùng nông thôn chính; xác định mô hình liên kết, quan hệ giữa các đô thị và các điểm dân cư nông thôn;

- Định hướng các tiểu vùng tập trung phát triển các chức năng chính như: công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, du lịch;

- Khoanh vùng bảo vệ di sản, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa; vùng cấm xây dựng;

- Dự báo nhu cầu sử dụng cơ sở hạ tầng trong vùng; định hướng chiến lược cung cấp hạ tầng kỹ thuật, xác định các công trình đầu mối, mạng lưới, vị trí và quy mô hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng hoặc liên vùng;

- Đề xuất các dự án chiến lược và nguồn lực thực hiện.

b) Các yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá hiện trạng:

+ Về môi trường tự nhiên: khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất,...; khai thác và sử dụng tài nguyên, biến đổi khí hậu;

- + Về chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn;
- + Về các vấn đề dân cư, xã hội, văn hóa và di sản.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường, đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư, hệ sinh thái tự nhiên, nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

### **5. Hồ sơ sản phẩm:**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; đảm bảo các nội dung quy định tại Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 2.** Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần có trách nhiệm tổ chức lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần đến năm 2030 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- LDVP. UBND tỉnh;
- Phòng NC: KT, TH;
- Lưu: VT, CNXD. 13 b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**

Số: 01 /BCTĐQH-SXD

Trà Vinh, ngày 15 tháng 5 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

**Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh**

Số: 1081

Ngày: 11/5/2017

huyện: Lấp Lấp, Lấp Lấp, Ngạc Ngạc, P. TH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần

- **Tên dự án** (đồ án): quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.
- **Thời gian thực hiện:** Năm 2017- 2018.
- **Nguồn vốn:** Ngân sách tỉnh.
- **Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.
- **Địa điểm quy hoạch:** huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2008 (Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng);
- Công văn số 821/UBND-CNXD ngày 08/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;
- Văn bản góp ý của các Sở, ngành tỉnh về nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần đến năm 2030;
- Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 19/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần đến năm 2030,

**NỘI DUNG THẨM ĐỊNH:**

**I. Về thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tiểu Cần:**

1. Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch, căn cứ lập nhiệm vụ quy hoạch, ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch:



Nội dung trình bày trên thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tiểu Cần cơ bản đạt yêu cầu. Tuy nhiên về diện tích tự nhiên huyện Tiểu Cần thuyết minh trình bày 22.674,86ha, theo Niên giám thống kê năm 2015 là 227,2 km<sup>2</sup> và văn bản góp ý của Sở Tài nguyên & Môi trường Trà Vinh đề nghị rà soát, cập nhật số liệu diện tích đất theo kết quả thống kê đất đai năm 2016; Do vậy, Sở Xây dựng Trà Vinh đề nghị UBND huyện Tiểu Cần xem xét rà soát và trình bày về diện tích tự nhiên của huyện Tiểu Cần (vùng quy hoạch) cho chính xác và có cơ sở pháp lý nhất để chỉnh sửa bổ sung vào nội dung thuyết minh và đây cũng là số liệu ảnh hưởng đến quá trình tính toán xác định chi phí lập quy hoạch theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị (thay thế Thông tư 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị).

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch; tính chất, chức năng, vai trò của vùng quy hoạch:

Nội dung trình bày trên thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tiểu Cần cơ bản đạt yêu cầu; Tuy nhiên Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần ngoài các nội dung trình bày trên thuyết minh, Sở Xây dựng Trà Vinh đề nghị cần bổ sung mục tiêu, tính chất là xây dựng huyện Tiểu Cần đạt tiêu chí huyện nông thôn mới theo Kế hoạch chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Trà Vinh và nội dung quy hoạch phải đảm bảo quy định và Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

3. Yêu cầu cơ bản về nội dung, mức độ điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá hiện trạng vùng lập quy hoạch:

Nội dung trình bày trên thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tiểu Cần cơ bản đạt yêu cầu; Tuy nhiên Sở Xây dựng Trà Vinh đề nghị nghiên cứu xem xét chỉnh sửa bổ sung nội dung:

- Thống nhất nội dung trình bày Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần về thời hạn quy hoạch là đến năm 2030 để tính toán dự báo và trình bày nội dung cho thống nhất (trang 8 thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch trình bày thời hạn quy hoạch vùng huyện Tiểu Cần đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030).

- UBND huyện Tiểu Cần xem xét sử dụng bản đồ địa hình do ngành Tài nguyên môi trường đang quản lý để cung cấp cho đơn vị tư vấn hoặc liên hệ Sở Tài nguyên môi trường Trà Vinh để được cung cấp bản đồ địa hình vùng huyện Tiểu Cần theo quy định nhằm phục vụ công tác lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, không tiến hành thực hiện công tác khảo sát đo đạc lập bản đồ địa hình phục vụ công tác lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần và nghiên cứu chỉnh sửa nội dung trình bày tại gạch đầu dòng cuối- mục b- trang 6 trên thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch cho phù hợp.

4. Cơ sở và phương pháp xác định động lực phát triển vùng; dự báo sơ bộ về: dân số, đất đai, tỷ lệ đô thị hóa, phát triển kinh tế xã hội...; đề xuất lựa chọn chỉ

tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiều Cần:

Nội dung trình bày trên thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tiều Cần cơ bản đạt yêu cầu; Tuy nhiên đề nghị bổ sung thêm nội dung trình bày khái quát vùng lập quy hoạch, các dự báo phát triển của các ngành có liên quan theo Điểm b- Khoản 1- Điều 7- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng vào nội dung nhiệm vụ quy hoạch theo quy định.

5. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng lập quy hoạch: hệ thống đô thị, nông thôn; các khu chức năng đặc thù; hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiều Cần:

Nội dung trình bày trên thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch phù hợp, đạt yêu cầu. Sở Xây dựng Trà Vinh thống nhất theo nội dung trình bày trong nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tiều Cần.

6. Xác định danh mục bản vẽ, thuyết minh, phụ lục kèm theo; số lượng quy cách của sản phẩm hồ sơ đồ án; kế hoạch và tiến độ tổ chức lập quy hoạch:

Nội dung trình bày trên thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện Tiều Cần cơ bản đạt yêu cầu; Tuy nhiên đề nghị nội dung, hồ sơ đồ án phải đảm bảo theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

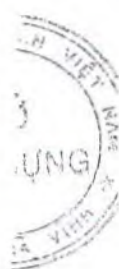
7. Ngoài ra trên thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý: Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị (có hiệu lực ngày 01/6/2017, thay thế Thông tư 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị).

**II. Về bản vẽ:** cơ bản thống nhất theo nội dung bản vẽ đính kèm theo quyền thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiều Cần.

### **III. Kết luận:**

Sở Xây dựng Trà Vinh đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tiều Cần nghiên cứu xem xét chỉnh sửa bổ sung hoàn chỉnh các nội dung như trên đã trình bày gửi Sở Xây dựng Trà Vinh thẩm định đạt yêu cầu trước khi trình UBND tỉnh Trà Vinh xem xét phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định.

Căn cứ Điều 16- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Sở Xây dựng Trà Vinh đề nghị UBND huyện Tiều Cần tổ chức lấy ý kiến theo đúng quy định đảm bảo hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt đúng theo Điều 27- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.





Qua trên là Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiều Cần của Sở Xây dựng Trà Vinh gửi Ủy ban nhân dân huyện Tiều Cần nghiên cứu xem xét thực hiện./.

**Lập báo cáo**



**Phó Phong Thái An**

**Kiểm tra**



**Nguyễn Thị Thanh Thúy**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, P.QH&KT.

**GIÁM ĐỐC**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Lợi*